Số: 2997/QĐ-SNV
Thời gian ký: 07/08/2025 14:09:20 +07:00

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (kể từ ngày 01/7/2025)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày tháng 8 năm 2025 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM CHĂM SÓC VÀ ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG
(Mã quan hệ ngân sách: 1092285)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC													
		Tổng dự toán				Ngân sách quản lý					Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng				
		Tổng số	Ngân sách		Nguồn thu phí, lệ phí	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên tăng thêm của dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024	Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 giảm 2,5 % chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước (Theo Khoản 4 Điều 35 Nghị định 60/2021/NĐ-CP) năm 2025	Số phí, lệ phí nộp NSNN	Tổng số	Ngân sách			Số phí đơn vị được sử dụng
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ								Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên		Kinh phí không tự chủ	
												Kinh phí tự chủ	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+...+9	6	7	8	9	10=11+...+14	11	12	13	14
	TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN	**1.466.930.774**	**1.324.418.432**	**142.512.342**		**14.000.000**	**11.000.000**	**3.000.000**			**1.452.930.774**	**1.299.418.432**	**25.000.000**	**128.512.342**	
A	**SỐ THU, CHI: LỆ PHÍ, PHÍ**														
B	**CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**1.466.930.774**	**1.324.418.432**	**142.512.342**		**14.000.000**	**11.000.000**	**3.000.000**			**1.452.930.774**	**1.299.418.432**	**25.000.000**	**128.512.342**	
II	**CHI SỰ NGHIỆP**	**1.466.930.774**	**1.324.418.432**	**142.512.342**		**14.000.000**	**11.000.000**	**3.000.000**			**1.452.930.774**	**1.299.418.432**	**25.000.000**	**128.512.342**	
1	**Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội**	**1.466.930.774**	**1.324.418.432**	**142.512.342**		**14.000.000**	**11.000.000**	**3.000.000**			**1.452.930.774**	**1.299.418.432**	**25.000.000**	**128.512.342**	
a	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ***	***1.324.418.432***	***1.324.418.432***								***1.324.418.432***	***1.299.418.432***	***25.000.000***		
b	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ***	***142.512.342***		***142.512.342***		***14.000.000***	***11.000.000***	***3.000.000***			***128.512.342***			***128.512.342***	
-	KP thực hiện cải cách tiền lương	9.964.000		9.964.000							9.964.000			9.964.000	
-	KP chi hoạt động nghiệp vụ (Hỗ trợ cho 12 cụ dưỡng lão bao gồm: Mua đồ dùng cá nhân, may quần áo, tiền xe các cụ đi bệnh viện, thuốc, ăn thêm ngày lễ tết…)	63.830.342		63.830.342							63.830.342			63.830.342	
-	KP sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô cứu thương và xe ô tô 16 chỗ phục vụ công tác nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công	25.518.000		25.518.000		4.000.000	3.000.000	1.000.000			21.518.000			21.518.000	
-	KP vệ sinh, bảo dưỡng, bơm ga máy điều hòa tất cả các phòng ở điều dưỡng và phòng ở các cụ, hội trường phục vụ công tác nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công	1.000.000		1.000.000		1.000.000	1.000.000								
-	KP mua Mô tơ bơm nước phục vụ công tác nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công	1.000.000		1.000.000		1.000.000	1.000.000								
-	KP lắp Camera phòng ở, hành lang khu nuôi dưỡng và điều dưỡng	4.000.000		4.000.000		4.000.000	2.000.000	2.000.000							
-	KP hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy (Mua đồ bảo hộ lao động, tập huấn nghiệp vụ, mua thiết bị phòng cháy chữa cháy)	37.200.000		37.200.000		4.000.000	4.000.000				33.200.000			33.200.000	